

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ
TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 21

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA

Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Căng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trần Toàn	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 09 tháng 01 năm 2014)
Ông Lê Cự Tân	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 20 tháng 02 năm 2013, miễn nhiệm ngày 09 tháng 01 năm 2014)
Ông Nguyễn Tấn Hòa	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 20 tháng 02 năm 2013)
Ông Lê Văn Ngà	Thành viên
Ông Phạm Hùng Phương	Thành viên
Ông Trần Hoài Đức	Thành viên (bổ nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2013)
Ông Tô Ngọc Thụ	Thành viên (bổ nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2013)

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Ngà	Giám đốc
Ông Vũ Khánh Vinh	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16 tháng 9 năm 2013)
Ông Nguyễn Khắc Dũng	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2013)
Ông Tô Ngọc Thụ	Phó Giám đốc
Ông Phạm Hùng Phương	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Lê Văn Ngà
Giám đốc

Ngày 05 tháng 3 năm 2014



Số: 288 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 05 tháng 3 năm 2014 từ trang 3 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.


Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Đình Tú
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0488-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 05 tháng 3 năm 2014
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam


Đặng Thị Lợi
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1529-2013-001-1

500-
NHÀ
NG T
HIỆN H
ĐIT
T NA
P. HC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		86.379.151.403	45.457.892.361
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	51.514.322.793	33.020.144.762
1. Tiền	111		8.364.852.108	7.797.753.868
2. Các khoản tương đương tiền	112		43.149.470.685	25.222.390.894
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		33.007.156.833	10.705.560.545
1. Phải thu khách hàng	131		25.746.351.620	10.895.171.191
2. Trả trước cho người bán	132		737.649.600	50.110.000
3. Các khoản phải thu khác	135	6	8.360.241.061	1.257.550.024
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.837.085.448)	(1.497.270.670)
III. Hàng tồn kho	140	7	1.347.621.401	1.200.713.124
1. Hàng tồn kho	141		1.347.621.401	1.200.713.124
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		510.050.376	531.473.930
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		376.982.253	439.979.307
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		133.068.123	91.494.623
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 =220+260)	200		387.326.616.627	405.007.607.937
I. Tài sản cố định	220		386.316.351.003	405.007.607.937
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	386.231.186.766	404.856.262.434
- Nguyên giá	222		490.668.827.808	482.873.604.799
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(104.437.641.042)	(78.017.342.365)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	49.999.995	116.181.261
- Nguyên giá	228		311.989.714	311.989.714
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(261.989.719)	(195.808.453)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		35.164.242	35.164.242
II. Tài sản dài hạn khác	260		1.010.265.624	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.010.265.624	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		473.705.768.030	450.465.500.298



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA

Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013


MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ(300=310)	300		62.762.552.995	47.180.221.470
I. Nợ ngắn hạn	310		62.762.552.995	47.180.221.470
1. Phải trả người bán	312		21.486.602.247	1.522.423.207
2. Người mua trả tiền trước	313		5.325.929.912	370.526.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	1.640.431.204	313.724.683
4. Phải trả người lao động	315		3.022.240.603	2.172.761.076
5. Chi phí phải trả	316		688.091.696	1.384.118.831
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	12	26.830.508.880	39.473.159.159
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.768.748.453	1.943.508.514
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		410.943.215.035	403.285.278.828
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	410.943.215.035	403.285.278.828
1. Vốn cổ phần	411		400.000.000.000	400.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.780.464.227	1.014.941.379
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		173.779.067	63.433.889
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7.988.971.741	2.206.903.560
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		473.705.768.030	450.465.500.298

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2013	31/12/2012
1. Ngoại tệ các loại (Đô la Mỹ)	6.446,59	6.450,13


Nguyễn Văn Mạnh
Người lập biểu


Nguyễn Hữu Hoàn
Kế toán trưởng



Lê Văn Nga
Giám đốc
Ngày 05 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết		2013	2012
	Mã số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		202.969.901.542	74.973.863.197
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	15	202.969.901.542	74.973.863.197
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	16	183.431.180.599	63.375.441.384
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		19.538.720.943	11.598.421.813
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.308.818.224	3.572.995.958
7. Chi phí tài chính	22		507.650	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14.199.929.592	12.214.361.110
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		7.647.101.925	2.957.056.661
10. Thu nhập khác	31		1.210.318.000	65.674.480
11. Chi phí khác	32		2.276.918	45.144.796
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.208.041.082	20.529.684
13. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		8.855.143.007	2.977.586.345
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	866.171.266	770.682.785
15. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		7.988.971.741	2.206.903.560
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	200	55

Nguyễn Văn Mạnh
Người lập biểu

Nguyễn Hữu Hoan
Kế toán trưởng

Lê Văn Nga
Giám đốc

Ngày 05 tháng 3 năm 2014



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	8.855.143.007	2.977.586.345
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	26.179.113.066	25.842.592.580
Các khoản dự phòng	03	339.814.778	268.428.300
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(1.245)	-
Lãi tiền gửi	05	(2.308.816.979)	(3.572.820.434)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	33.065.252.627	25.515.786.791
Thay đổi các khoản phải thu	09	(22.682.984.566)	37.851.666.098
Thay đổi hàng tồn kho	10	(146.908.277)	(159.698.076)
Thay đổi các khoản phải trả	11	13.783.813.961	(59.813.180.945)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(810.856.297)	(195.748.359)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(101.447.241)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.674.007.809)	970.574.986
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	22.996.862.398	4.169.400.495
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.811.502.591)	(5.857.243.694)
2. Tiền thu lãi tiền gửi	27	2.308.816.979	3.572.820.434
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.502.685.612)	(2.284.423.260)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	18.494.176.786	1.884.977.235
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	33.020.144.762	31.135.167.527
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.245	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	<u>51.514.322.793</u>	<u>33.020.144.762</u>

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 1.208.553.600 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 : 0 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh lên thay đổi các khoản phải trả.


Nguyễn Văn Mạnh
Người lập biểu


Nguyễn Hữu Hoan
Kế toán trưởng


Lê Văn Nga
Giám đốc
Ngày 05 tháng 3 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Căng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2801448559 ngày 28 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp. Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Căng dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 13 tháng 11 năm 2009, và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Cổ đông chính và là công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “PTSC”).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 319 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 313 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến dịch vụ vận tải (cung cấp vật tư, thiết bị, thực phẩm phục vụ ngành dầu khí; dịch vụ đại lý tàu biển; cung cấp dịch vụ thử tải, dịch vụ hạ thủy, nâng hạ nặng, dịch vụ cân); bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (kinh doanh phân đạm và hóa chất phục vụ nông nghiệp; kinh doanh gỗ dăm, clinker và than quặng); bốc xếp hàng hóa (vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, kiểm đếm và giao nhận hàng hóa); dịch vụ lưu trú ngắn ngày (dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ); quản lý, điều hành kinh doanh và khai thác cảng, căn cứ dịch vụ kỹ thuật dầu khí, kinh doanh các dịch vụ cảng; kinh doanh vận tải đa phương thức trong và ngoài nước; cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí; chế tạo, sửa chữa, bảo dưỡng cơ khí; cung cấp dịch vụ kiểm tra không phá hủy, xử lý nhiệt trước và sau khi hàn; cho thuê máy móc thiết bị, xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; khai thác xử lý và cung cấp nước; thu gom rác thải; dịch vụ phòng trợ; dịch vụ đồ uống; nhà hàng và các dịch vụ khác; buôn bán vật liệu; thực phẩm; đồ uống; bán lẻ thực phẩm lương thực; vận tải đường bộ; kinh doanh bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

002
ANH
TY
SUU
TE
M
X

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI (Tiếp theo)

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 34
Máy móc và thiết bị	2 - 16
Phương tiện vận tải	2 - 3
Thiết bị văn phòng	2 - 5
Tài sản khác	4 - 15

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị phần mềm máy tính. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong hai năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ dụng cụ và phí tên miền cho website của Công ty. Các khoản này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian hai năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm tài chính đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành việc cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

12/2013
CHI I
CÔM
CH NH
3/ELI
VIỆT
7-7F

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA

Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia

Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	693.176.866	325.461.218
Tiền gửi ngân hàng	7.671.675.242	7.472.292.650
Các khoản tương đương tiền	43.149.470.685	25.222.390.894
	<u>51.514.322.793</u>	<u>33.020.144.762</u>

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn trong vòng 3 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương với lãi suất từ 6,8%/năm đến 7%/năm.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải thu ban giải phóng mặt bằng Huyện Tĩnh Gia	20.000.000	-
Phải thu liên quan đến xây dựng trường mầm non	-	1.136.347.573
Phải thu Công ty Cổ phần FECON	8.176.795.455	-
Khác	163.445.606	121.202.451
	<u>8.360.241.061</u>	<u>1.257.550.024</u>

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.017.421.570	984.193.243
Công cụ, dụng cụ	330.199.831	216.519.881
	<u>1.347.621.401</u>	<u>1.200.713.124</u>

 00-0
 HÁN
 G T
 NH
 IT
 NAI
 HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓAXã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị vận phòng	Phương tiện vận tải	Tài sản khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2013	435.128.055.802	38.895.615.865	1.304.542.885	5.304.961.385	2.240.428.862	482.873.604.799
Mua trong năm	1.216.336.104	1.999.746.340	87.900.000	-	11.280.000	3.315.262.444
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.704.793.747	-	-	-	-	4.704.793.747
Phân loại lại	-	(63.454.545)	(150.098.637)	-	(11.280.000)	(224.833.182)
Tại ngày 31/12/2013	<u>441.049.185.653</u>	<u>40.831.907.660</u>	<u>1.242.344.248</u>	<u>5.304.961.385</u>	<u>2.240.428.862</u>	<u>490.668.827.808</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2013	67.114.523.114	8.290.192.937	623.709.974	1.379.867.470	609.048.870	78.017.342.365
Khấu hao trong năm	22.159.746.403	3.101.001.217	285.611.080	750.330.273	212.030.613	26.508.719.586
Phân loại lại	-	(21.151.515)	(66.329.394)	-	(940.000)	(88.420.909)
Tại ngày 31/12/2013	<u>89.274.269.517</u>	<u>11.370.042.639</u>	<u>842.991.660</u>	<u>2.130.197.743</u>	<u>820.139.483</u>	<u>104.437.641.042</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2013	<u>351.774.916.136</u>	<u>29.461.865.021</u>	<u>399.352.588</u>	<u>3.174.763.642</u>	<u>1.420.289.379</u>	<u>386.231.186.766</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>368.013.532.688</u>	<u>30.605.422.928</u>	<u>680.832.911</u>	<u>3.925.093.915</u>	<u>1.631.379.992</u>	<u>404.856.262.434</u>

Phân loại lại trong năm chủ yếu liên quan đến một số tài sản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định, Công ty chuyển sang chi phí trả trước dài hạn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Khấu hao trong năm được ghi nhận vào:

	VND
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh</i>	26.112.931.800
<i>Quỹ phúc lợi hình thành tài sản cố định</i>	395.787.786
	<u>26.508.719.586</u>

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.605.438.855 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 683.122.427 đồng).

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2013 và ngày 31/12/2013	<u>311.989.714</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2013	195.808.453
Khấu hao trong năm	66.181.266
Tại ngày 31/12/2013	<u>261.989.719</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2013	<u>49.999.995</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>116.181.261</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓAXã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2013
	<u>VND</u>
Tên miền website	11.020.250
Công cụ, thiết bị khác	999.245.374
	<u><u>1.010.265.624</u></u>

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	750.664.711	154.189.092
Thuế thu nhập doanh nghiệp	879.657.142	101.447.240
Thuế thu nhập cá nhân	10.109.351	58.088.351
	<u><u>1.640.431.204</u></u>	<u><u>313.724.683</u></u>

Tình hình tăng giảm các khoản thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong kỳ như sau:

	Tại ngày 01/01/2013	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Tại ngày 31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	154.189.092	5.859.194.634	5.262.719.015	750.664.711
Thuế thu nhập doanh nghiệp	101.447.240	866.171.266	87.961.364	879.657.142
Thuế thu nhập cá nhân	58.088.351	90.252.439	138.231.439	10.109.351
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Tổng	<u><u>313.724.683</u></u>	<u><u>6.818.618.339</u></u>	<u><u>5.491.911.818</u></u>	<u><u>1.640.431.204</u></u>

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Kinh phí Công đoàn	107.645.062	96.981.222
Tổng Công ty Cổ Phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam ("PTSC")	24.932.664.857	35.947.033.633
Các khoản phải trả khác	1.790.198.961	3.429.144.304
	<u><u>26.830.508.880</u></u>	<u><u>39.473.159.159</u></u>

Khoản phải trả PTSC liên quan đến tài sản chuyển giao cho Công ty giai đoạn trước cổ phần hóa sẽ được Công ty thanh toán dần qua các năm tùy theo tình hình tài chính vào hàng năm. Khoản phải trả này không chịu lãi suất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2012	400.000.000.000	-	-	1.268.676.788	401.268.676.788
Phân phối lợi nhuận 2011	-	-	-	(1.268.676.788)	(1.268.676.788)
Trích lập quỹ trong năm	-	1.014.941.379	63.433.889	-	1.078.375.268
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	2.206.903.560	2.206.903.560
Số dư tại ngày 31/12/2012	400.000.000.000	1.014.941.379	63.433.889	2.206.903.560	403.285.278.828
Phân phối lợi nhuận 2012	-	-	-	(2.206.903.560)	(2.206.903.560)
Trích lập quỹ trong năm	-	1.765.522.848	110.345.178	-	1.875.868.026
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	7.988.971.741	7.988.971.741
Số dư tại ngày 31/12/2013	400.000.000.000	2.780.464.227	173.779.067	7.988.971.741	410.943.215.035

Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên số 261/NQ-DKTH-DHCD ngày 05 tháng 4 năm 2013, Công ty đã tiến hành phân phối toàn bộ lợi nhuận năm 2012 để trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền lần lượt là 1.765.522.848 đồng, 110.345.178 đồng và 331.035.534 đồng.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh, vốn điều lệ của Công ty là 400.000.000.000 đồng, tương đương 40.000.000 cổ phần thường với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Vốn điều lệ đã được góp đủ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Vốn đã góp VND
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	54,69	218.773.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Tài chính Dầu khí	43,75	175.000.000.000
Các cổ đông khác	1,56	6.227.000.000
	100	400.000.000.000

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

14. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý. Công ty hiện không có hơn một bộ phận cả theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý mà chỉ hoạt động ở một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là quản lý, điều hành kinh doanh và khai thác cảng, cảng dịch vụ kỹ thuật dầu khí, kinh doanh các dịch vụ cảng; dịch vụ cảng và cung ứng hàng hóa, nhiên liệu và chỉ ở một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

250
II NI
ÔNG
NHIỆ
LO
ÉT
TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓAXã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. DOANH THU THUẬN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2013 VND	2012 VND
Doanh thu bán hàng	117.238.663.962	10.265.155.671
Doanh thu cung cấp dịch vụ	85.731.237.580	64.708.707.526
	<u>202.969.901.542</u>	<u>74.973.863.197</u>

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2013 VND	2012 VND
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	116.120.305.050	10.403.919.973
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	67.310.875.549	52.971.521.411
	<u>183.431.180.599</u>	<u>63.375.441.384</u>

17. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2013 VND	2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.568.247.237	5.264.536.677
Chi phí nhân công	22.893.856.089	19.919.633.900
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.179.113.066	25.842.592.580
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.539.894.991	9.713.592.820
Chi phí bằng tiền khác	3.505.189.376	4.702.405.384
	<u>81.686.300.759</u>	<u>65.442.761.361</u>

18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	8.855.143.007	2.977.586.345
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ: Thu nhập được miễn thuế</i>	(5.548.240.696)	
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<u>211.726.473</u>	<u>105.144.796</u>
Thu nhập chịu thuế	3.518.628.784	3.082.731.141
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	879.657.196	770.682.785
Điều chỉnh thuế TNDN năm 2012	(13.485.930)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>866.171.266</u>	<u>770.682.785</u>

Đối với hoạt động chính, Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) kể từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2009). Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn năm kể từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) và được giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm (9 năm) tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (Tiếp theo)

Đối với hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2013 VND	2012 VND
Lãi để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.988.971.741	2.206.903.560
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	<u>40.000.000</u>	<u>40.000.000</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>200</u>	<u>55</u>

20. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Cam kết thuê hoạt động - Công ty là bên đi thuê

	2013 VND	2012 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>1.977.727.907</u>	-

Tại ngày kết thúc niên độ, Công ty có phát sinh hợp đồng thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	3.336.000.000	-
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	-	-
Sau năm năm	-	-
	<u>3.336.000.000</u>	<u>-</u>

Cam kết thuê hoạt động - Công ty là bên cho thuê

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết cho thuê hoạt động tương ứng tiền thuê tối thiểu trong tương lai nhận được từ các bên đi thuê, với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	8.445.231.200	-
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	24.855.397.467	-
Sau năm năm	26.155.500.000	-
	<u>59.456.128.667</u>	<u>-</u>

Công ty cho thuê hoạt động bao gồm cho thuê văn phòng và thuê bãi với điều kiện không hủy ngang. Bên đi thuê phải thanh toán các khoản tiền thuê cố định căn cứ trên các hợp đồng thuê đã được ký.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn cổ phần, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.514.322.793	33.020.144.762
Phải thu khách hàng và phải thu khác	32.269.507.233	10.655.450.545
Tổng cộng	<u>83.783.830.026</u>	<u>43.675.595.307</u>
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	46.722.449.781	40.713.613.644
Chi phí phải trả	688.091.696	1.384.118.831
Tổng cộng	<u>47.410.541.477</u>	<u>42.097.732.475</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 135.760.655 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 134.297.126 đồng).

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ.

Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ không ảnh hưởng trọng yếu.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tổng cộng	<u><u>46.722.449.781</u></u>
Phải trả người bán và phải trả khác	46.722.449.781
Chi phí phải trả	688.091.696
Tổng cộng	<u><u>47.410.541.477</u></u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u><u>36.373.288.549</u></u>
31/12/2012	Dưới 1 năm VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.020.144.762
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.655.450.545
Tổng cộng	<u><u>43.675.595.307</u></u>
Phải trả người bán và phải trả khác	40.713.613.644
Chi phí phải trả	1.384.118.831
Tổng cộng	<u><u>42.097.732.475</u></u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u><u>1.577.862.832</u></u>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

125
HỘI
ĐỒNG
NHỊ
LƯU
CHỮ
KÝ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	2013	2012
		VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	Công ty trong cùng Tập đoàn		
Công ty Cổ phần Phân bón & Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	Công ty trong cùng Tập đoàn		
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đầu tư Dầu khí	Công ty trong cùng Tập đoàn		
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Công ty trong cùng Tập đoàn		
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	Công ty trong cùng Tập đoàn		
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu Nhờn PVOIL Miền Bắc	Công ty trong cùng Tập đoàn		
Chi nhánh Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí	Công ty trong cùng Tập đoàn		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	Công ty trong cùng Tập đoàn		
Công ty TNHH Khách Sạn Dầu Khí PTSC	Công ty trong cùng Tập đoàn		
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	Công ty trong cùng Tập đoàn		
Công ty bảo hiểm PVI Thanh Hóa	Công ty trong cùng Tập đoàn		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn		
Bán hàng, dịch vụ			
Công ty Cổ phần xăng Dầu Dầu khí Ninh Bình		-	5.361.818
Công ty Cổ phần Phân bón & Hóa chất Dầu khí Miền Bắc		3.196.115.059	3.156.363.467
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đầu tư Dầu khí		128.520.000	-
Công ty Cổ phần Xăng Dầu Dầu Khí Thái Bình		7.440.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam		1.415.424.513	-
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu		761.415.798	-
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa		743.475.617	-



Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	-	8.168.182
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	-	30.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh	-	30.000.000
Công ty TNHH Khách Sạn Dầu Khí PTSC	2.693.250	897.750
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	1.977.727.907	-
Công ty bảo hiểm PVI Thanh Hóa	1.094.044.233	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	29.775.983	-

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải thu		
Công ty Cổ phần Phân bón & Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	53.372.000	257.412.320
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	767.894.840	-

Phải trả và phải trả khác

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	24.932.664.857	36.407.033.633
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	396.708.350	11.955.100
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	1.799.999	-
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	1.977.727.907	-

Thu nhập của Ban Giám đốc

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2013 VND	2012 VND
Tiền lương và thu nhập khác	1.093.144.307	1.096.330.809

Nguyễn Văn Mạnh
Người lập biểu

Nguyễn Hữu Hoan
Kế toán trưởng

Lê Văn Nga
Giám đốc

Ngày 05 tháng 3 năm 2014